TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/DS-ST

Ngày: 09-9-2020

"V/v Kiện đòi tiền"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Cương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Văn Khánh**

Bà **Nguyễn Thị Vinh**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Thi Thị Hoàng Yến –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2020/TLST – DS ngày 02/3/2020 về việc "*Kiện đòi tiền"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020 và thông báo mở lại phiên tòa ngày 01/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại K** (sau đây gọi tắt là Công ty K)**;** Địa chỉ trụ sở chính: Số 100 đường A, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Chi nhánh tại Đà Nẵng: Số 149 đường N, tổ 15, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị Mỹ T, chức vụ: Giám đốc công ty; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Vi; chức vụ: Nhân viên chi nhánh Đà Nẵng; ông Việt có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: **Ông Lê Văn L**, sinh năm 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Q; Chỗ ở hiện nay: Số 189 đường L, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2019, bản tự khai ngày 04/5/2020 thì nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại K và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Anh Lê Văn L là nhân viên kinh doanh của Công ty K từ ngày 10/9/2018 đến 30/10/2019, phụ trách khu vực miền trung gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, thánh phố Đà Nẵng. Anh L làm việc tại Chi nhánh Đà Nẵng của Công ty tại địa chỉ số 149 đường N, tổ 15, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

Trong quá trình làm việc tại công ty, anh Lê Văn L đã lợi dụng danh nghĩa, chức vụ công việc được giao đã thực hiện việc thu tiền hàng của rất nhiều khách hàng của công ty nhưng không nộp về cho công ty với tổng số tiền 151.065.000 đồng *(Một trăm năm mươi mốt triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).* Sau khi phát hiện, công ty đã làm việc với anh L yêu cầu anh L trả lại tiền cho công ty. Tại tường trình ngày 30/10/2019, anh L cam kết sẽ hoàn lại số tiền cho Công ty theo lịch trình như sau:

Đợt 1: Thanh toán 50.000.000 đồng trước ngày 31/10/2019;

Đợt 2: Thanh toán số tiền 50.000.000 đồng trước ngày 15/11/2019;

Đợt 3: Thanh toán thanh toán số tiền 51.065.000 đồng trước ngày 30/11/2019.

Tuy nhiên, sau đó anh L mới chỉ thanh toán được 40.000.000 đồng, cụ thể đợt 1 ngày 30/10/2019 thanh toán 20.000.000 đồng; đợt 2 ngày 07/11/2019 thanh toán 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại anh L chưa thanh toán cho công ty là 111.065.000 đồng *(Một trăm mười một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng),* Công ty đã nhiều lần liên lạc yêu cầu anh L trả tiền nhưng anh L không hợp tác.

Ngoài ra, Công ty còn tạm ứng công tác phí tháng cho anh L là: 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* và hiện anh L đang chiếm giữ của công ty 01 Loptop Dell Vostro 3468 i3 (01 cái); Sạc loptop NSW 26862 (01 cái) trị giá: 10.190.000 đồng *(Mười triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).*

Do đó, công ty K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lên Văn L phải trả lại cho Công ty: Số tiền 114.065.000 đồng và 01 Loptop Dell Vostro 3468 i3 (01 cái); Sạc loptop NSW 26862 (01 cái), trị giá: 10.190.000 đồng. Tổng số tiền và giá trị tài sản buộc anh Lê Văn L trả lại cho Công ty là 124.255.000 đồng *(Một trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng y).*

Qúa trình thụ lý giải quyết vụ án tại các biên bản hòa giải ngày 07/5/2020 và biên bản hòa giải ngày 08/6/2020 đại diện nguyên đơn cho rằng: Theo ý kiến trình bày của bị đơn anh Lê Văn L trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty K đồng ý khấu trừ cho anh L khoản tiền lương từ ngày 01/10/2019 đến ngày 12/11/2019 với số tiền là 10.740.000 đồng; Tiền công tác phí trong tháng 10/2019 là 3.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 08/6/2020 anh L đã trả lại 01 máy loptop Dell và sạc laptop, trị giá 10.190.000 đồng cho công ty. Do đó, Công ty K rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu về việc cầu trả lại giá trị máy laptop Dell và số tiền 13.740.000 đồng *(đã khấu trừ phần tiền lương và công tác phí cho anh L).*

Như vậy, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty K yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh Lê Văn L phải trả cho công ty K với số tiền còn là ***100.325.000 đồng*** *(một trăm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* và trả một lần.

Tại bản tự khai ngày 07/5/2020 và tại các biên bản hòa giải ngày 07/5/2020 và ngày 08/6/2020 bị đơn anh Lê Văn L trình bày:

Qúa trình làm việc tại Công ty K, tính đến ngày 07/5/2020 anh L xác nhận còn nợ Công ty K số tiền thu của khách hàng nhưng chưa nộp lại cho công ty với số tiền là 111.065.000 đồng *(Một trăm mười một triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)*. Trong thời gian chốt thanh toán với kế toán thì công ty đột ngột kỷ luật cho nghỉ việc nên chưa cân đối được tiền lương, công tác phí, gồm: Tiền lương từ ngày 01/10/2019 đến ngày 12/11/2019 là 10.740.000 đồng nhưng chưa thanh toán; tiền công tác phí tháng 10/2019 là 3.000.000 đồng. Còn máy laptop thì ngày 08/6/2020 thì anh Luận đã trả lại cho công ty. Như vậy, còn lại anh L còn nợ công ty K là ***100.325.000 đồng***. Nay công ty K yêu cầu anh L trả lại số tiền 100.325.000 đồng thì anh L đồng ý trả cho công ty nhưng do hiện nay không có việc làm nên anh L xin được trả dần hàng tháng. Ngoài ra, anh L yêu cầu Công ty K phải trả lại sổ bảo hiểm tạo điều kiện cho anh xin việc làm trả lại tiền cho công ty.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông Nguyễn Văn V đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty K, yêu cầu anh Lê Văn L phải thanh toán cho Công ty K số tiền 100.325.000 đồng *(một trăm triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*. Khi nào anh L trả xong nợ cho công ty thì công ty sẽ trả lại sổ bảo hiểm cho anh L.

Tại phần trình bày bị đơn anh Lê Văn L thừa nhận còn nợ Công ty K số tiền 100.325.000 đồng, chưa thanh toán, anh L yêu cầu công ty Kim Hoàn V phải trả lại sổ bảo hiểm cho anh để anh tìm việc làm, trả lại tiền cho Công ty.

Tại phần hỏi và tranh luận, anh L thay đổi lời khai, không thừa nhận nợ với Công ty K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc kiện đòi lại tài sản, bị đơn là ông Lê Văn L hiện cư trú tại phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Do đo, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn V đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại K (gọi tắt là công ty K) yêu cầu anh Lê Văn L phải trả lại cho Công ty K tổng số tiền 100.325.000 đồng *(một trăm triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*. Tại phần trình bày bị đơn anh Lê Văn L thừa nhận nợ và đồng ý trả lại tiền cho công ty K với điều kiện công ty phải trả lại sổ bảo hiểm cho anh L và anh L sẽ trả nợ cho Công ty theo phương thức trả dần hàng tháng.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự, trên cơ sở xem xét lời khai, ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty K, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V và bị đơn ông Lê Văn L đều thống nhất xác định: Anh Lê Văn Lvào làm việc tại Công ty K từ ngày 10/9/2018 đến 30/10/2019, với chức trách nhiệm vụ được giao là nhân viên kinh doanh của Công ty phụ trách khu vực miền Trung gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, thành phố Đà Nẵng, làm việc tại chi nhánh Đà Nẵng. Trong thời gian làm việc tại Công ty, anh Lê Văn L đã thu tiền của rất nhiều khách hàng nhưng không nộp về cho công ty với tổng số tiền 151.065.000 đồng *(Một trăm năm mươi mốt triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).* Sau khi phát hiện Công ty K đã tiến hành làm việc với anh L, yêu cầu trả lại số tiền trên, sau đó anh L đã thanh toán cho công ty K được 40.000.000 đồng, còn lại 111.065.000 đồng *(Một trăm mười một triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)* chưa thanh toán. Ngoài ra, Công ty K còn tạm ứng công tác phí tháng cho anh L là: 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* và anh L đang chiếm giữ của công ty 01 Loptop Dell Vostro 3468 i3 (01 cái); Sạc loptop NSW 26862 (01 cái) trị giá: 10.190.000 đồng *(Mười triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).*

Sau khi cân đối, khấu trừ khoản tiền lương, công tác phí mà Công ty K chưa thanh toán cho anh L và giá trị 01 máy tính laptop mà anh L đã trả lại cho Công ty vào ngày 08/6/2020. Hiện anh Lê Văn L còn nợ, chưa thanh toán cho Công ty K số tiền 100.325.000 đồng (*Một trăm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*. Lời khai, trình bày của các đương sự tại các bản tự khai và biên bản hòa giải phù hợp với biên bản cuộc họp ngày 28 và 29/10/2019 giữa anh Lê Văn L và Công ty K, phù hợp với tờ trình ngày 30/10/2019 của anh L gửi cho Công ty K.

Do đó, việc Công ty K khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn L trả lại cho công ty số tiền 100.325.000 đồng (*Một trăm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty K, buộc anh Lê Văn L phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty K số tiền 100.325.000 đồng (*Một trăm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

[3] Tại phiên tòa ở phần trình bày bị đơn anh Lê Văn L thừa nhận nợ nhưng tại phần hỏi và phần tranh luận anh L không thừa nhận nợ với Công ty K. Việc không thừa nhận nợ của anh L là nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đối với yêu cầu của anh Lê Văn L về việc yêu cầu công ty K trả lại cho anh L sổ bảo hiểm xã hội, xét đây là quan hệ pháp luật lao động, không liên quan đến tranh chấp trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Anh L có quyền khởi kiện vụ án lao động để giải quyết.

[4] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 166, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại K đối với anh Lê Văn L về việc *"Kiện đòi tiền".*

2. Tuyên xử: Buộc ông Lê Văn L phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại K số tiền 100.325.000 đồng *(một trăm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì họ phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn L phải chịu là: 5.016.250 đồng *(năm triệu không trăm mười sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).*

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại K số tiền tạm ứng án phí 3.106.375 đồng *(Ba triệu một trăm lẻ sáu ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0000968 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phan Văn Cương